

*Bản án số: 23 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 6 năm 2020
V/v: Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Công Thanh**
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1/ Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**
2/ Bà **Nguyễn Thị Bội Hoàn**

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Bích Vi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:*** Bà **Trương Thị Dung** – Kiểm sát viên

Ngày 09/6/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 214/2019/TLST- HNGĐ ngày 06/12/2019 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Cao Thị Minh Tr**- Sinh năm: 1969; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố NgB, thị trấn CD, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Trương Tấn T**- Sinh năm: 1971; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố NghB, thị trấn CD, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị Minh Tr trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Tr và ông Trương Tấn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 và đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa; được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyền số 01, ngày 19/9/2008.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2003. Nguyên nhân mâu thuẫn là cuộc sống vợ chồng hay cãi nhau, ông T thường xuyên đánh bà, rồi đuổi bà ra khỏi nhà, ông T coi thường xúc phạm bà. Vì con bà cố gắng chịu đựng để sống với nhau nhưng tình trạng của vợ chồng ngày càng tồi tệ. Trước đó bà có làm đơn ly hôn một lần nhưng rút đơn về vì bà muốn cho ông T một cơ hội để hàn gắn nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy và không thay đổi. Vì vậy, Bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr và ông Trương Tấn T có 05 con chung là cháu Trương Triệu V, sinh năm 1999; Trương Yến V1, sinh năm 2000;

Trương Triệu V2, sinh năm 2001; Trương Triệu V3, sinh ngày 20/9/2003 và Trương Triệu V4, sinh ngày 28/11/2005. Các cháu đều khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất tinh thần. Sau khi ly hôn Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu V3 và cháu V4, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu V, V1 và V2 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Tấn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Theo biên bản xác minh ngày 10/02/2020 tại Công an thị trấn CD, ông Trương Tấn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố NghB, thị trấn CD, huyện CL và hiện nay đang làm ăn sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị Minh Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Cao Thị Minh Tr có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trương Tấn T có hộ khẩu thường trú, làm ăn sinh sống tại tổ dân phố NghB, thị trấn CD, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Hiện ông T đang có mặt tại địa phương nhưng cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà Cao Thị Minh Tr và ông Trương Tấn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 và đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn; được Ủy ban nhân dân thị trấn CD, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 100, quyển số 01 ngày 19/9/2008; đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa Bà Tr và ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên đánh Bà Tr, rồi đuổi ra khỏi nhà, ông T coi thường, xúc phạm Bà Tr. Bà Tr xác định không còn tình cảm đối với ông T. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà Tr và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Bà Tr được ly hôn với ông Trương Tấn T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà Tr và ông Trương Tấn T có 05 con chung là cháu Trương Triệu V, sinh năm 1999; Trương Yến V1, sinh năm 2000; Trương Triệu V2, sinh năm 2001; Trương Triệu V3, sinh ngày 20/9/2003 và Trương Triệu V4, sinh ngày 28/11/2005. Các cháu đều khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất tinh thần. Sau khi ly hôn Bà Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu V3 và cháu V4, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu V, V1 và V2 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại các bản tự khai ngày

16/12/2019 các cháu Trương Triệu V3 và Trương Triệu V4 đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Ông Trương Tấn T không đến Tòa làm việc nên không thể hiện ý kiến đồng ý hay phản đối trước yêu cầu của Bà Tr, nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của Bà Tr là đúng với hoàn cảnh thực tế của các bên và nguyện vọng của các con, phù hợp với đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Tấn T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Cao Thị Minh Tr được ly hôn với ông Trương Tấn T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Trương Triệu V3, sinh ngày 20/9/2003 và Trương Triệu V4, sinh ngày 28/11/2005 cho bà Cao Thị Minh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Tr không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trương Triệu V, sinh năm 1999, Trương Yến V1, sinh năm 2000, Trương Triệu V2, sinh năm 2001 đã đủ tuổi trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: bà Cao Thị Minh Tr và ông Trương Tấn T được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Cao Thị Minh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0007940 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, Bà Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND thị trấn Cam Đức, huyện Cam Lâm;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Công Thành

